

Số:05/2018/QĐST-HNGĐ

N, ngày 04 tháng 01 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 223/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1979.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Hiện ở tại: Thôn 3, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Cao S1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn 2, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 110 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Điều 27 Nghị Quyết số 326/216/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị S và anh Nguyễn Cao S1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị Hoàng Thị S và anh Nguyễn Cao S1 có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 22/12/1999 (Đã trên 18 tuổi); cháu Nguyễn Lan H1, sinh ngày 07/5/2003.

Hai bên thoả thuận: Anh S1 trực tiếp nuôi con chung chưa đủ 18 tuổi hiện nay

đang ở với anh S1 là cháu Nguyễn Lan H1, sinh ngày 07/5/2003. Chị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H1 mỗi tháng là 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng, kể từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh S1 có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp chị S không thi hành hết nghĩa vụ thi hành án, thì chị S còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi xuất được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp chị S1 lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh S1 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị S.

Anh S1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2 Về tài sản chung - Công nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí sơ thẩm: Chị S nhận nộp cả án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng; án phí cấp dưỡng nuôi con chị S phải chịu là 150.000 đồng, chị S đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2013/0000529 ngày 06/10/2017 tại Thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TA tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- UBND xã P;
- THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

LÃ THỊ KHUY